TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29/4/2020
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Thảo;

2. Bà Võ Thị Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Bích Vân –Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 396/2019/TLST-HN&GĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về "tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kim K, sinh năm 1989, nơi cư trú: số 117, ấp B, xã T, huyện L, thành phố Cần Thơ; (vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Xuân H, sinh năm 1980, nơi cư trú: hẻm 252, tổ 13, khóm C, phường B, thành phố D, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim K trình bày: Bà K và ông H quen biết nhau và đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do ông H có hành vi sử dụng ma túy, thường xuyên tụ tập cùng bạn bè xấu, không quan tâm chăm sóc cho gia

đình và nhiều lần hăm dọa bà K, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ năm 2019 cho đến nay, hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, bà K yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà K và ông H không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do ông H vắng mặt.

Tại phiên tòa,

- Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Bà Huỳnh Thị Kim K và ông Lê Xuân H có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Trong thời gian sống chung, bà K và ông H phát sinh mâu thuẫn, đã không còn sống chung với nhau từ năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, có tiếp tục duy trì hôn nhân thì mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà K yêu cầu ly hôn với ông H là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Bà K và ông H không có con chung nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim K khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Xuân H. Ông H cư trú tại khóm Châu Long 4, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia

đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà K vắng mặt tại phiên tòa và có đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông H, bà K.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông H chung sống với nhau từ năm 2018, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc số 116/HT, ngày 14/8/2018 theo Trích lục kết hôn số 1281/TLKH-BS ngày 14/8/2018 nên là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng bà K, ông H đã không còn sống chung với nhau từ năm 2019 cho đến nay; bà K, ông H mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, chăm sóc cho ai, bà K cho rằng ông H có sử dụng ma túy nên thường xuyên tụ tập bạn bè xấu, không quan tâm chăm sóc cho gia đình. Ngày 05/3/2020, Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến ông Lê Xuân Hoàng là cha ruột của ông H, ông Hoàng cho biết: Ông có nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án và có giao lại các thông báo cho ông H nhưng ông H hiện đang đi làm ở xa nên không về được; sau khi H bị đưa vào trung tâm cai nghiện ma túy thì K trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay, không liên lạc gì với gia đình bên chồng.

Từ những căn cứ nêu trên, nhận thấy mâu thuẫn gia đình giữa bà K với ông H là trầm trọng, vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay, vợ chồng không ai quan tâm, chăm sóc cho ai, Tòa án có tống đạt các văn bản về việc bà K khởi kiện ly hôn nhưng ông H không có ý kiến, không đến Tòa án để tham gia hòa giải, cho thấy ông H không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà K nên có kéo dài quan hệ hôn nhân thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K về việc ly hôn với ông H theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà K xác định trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng không có con chung nên không xem xét giải quyết. Ông H có quyền khởi kiện vụ án tranh chấp về xác định cha cho con (nếu có).

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà K khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử xem xét. Nếu có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Kim K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà K đã nộp.

Ông Lê Xuân H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim K.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Kim K được ly hôn với ông Lê Xuân H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 116/HT, ngày 14/8/2018 của Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[2] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Kim K phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0003455 ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; bà K đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Xuân H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo:

Bà Huỳnh Thị Kim K, ông Lê Xuân H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Tiền

Nơi nhận:
- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).